

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: ĐỊA LÝ 11
Thời gian làm bài: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm		
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận					
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD			
1	A. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	A1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên. Dân cư, xã hội Hoa Kỳ A2. Kinh tế Hoa Kỳ A3. Tìm hiểu về hoạt động xuất, nhập khẩu của Hoa Kỳ	6			2	2				2			1	45.0		
2		B. Liên Bang Nga	B1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên. Dân cư, xã hội Liên bang Nga B2. Kinh tế Liên bang Nga B3. Tìm hiểu về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga	6			2	2				2		1		55.0	
Tổng số câu/ý			12			4	4				4		1	1			24
Tổng số điểm			3,0			2.0				2.0				2,0	1,0		10

TT	Chương/	Nội dung/đơn vị	Mức độ đánh giá				Tỉ lệ
		Tỉ lệ %	30 %	20%	20 %	30%	100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II- MÔN ĐỊA LÍ 11

TT	Chươn g/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biế t	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	A. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	A1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên. Dân cư, xã hội Hoa Kỳ A2. Kinh tế Hoa Kỳ A3. Tìm hiểu về hoạt động xuất, nhập khẩu của Hoa Kỳ	Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội. - Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ). - Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế Hoa Kỳ. Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	6			2	2				2			1	45.0

TT	Chương	Nội		Mức độ đánh giá												Tỉ lệ
			đến phát triển kinh tế - xã hội. – Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ. Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích. Vận dụng cao – Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới.													
2	B. Liên Bang Nga	B1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên. Dân cư, xã hội Liên bang Nga	Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội – Trình bày được tình hình phát triển	6			2	2				2		1		55.0

TT	Chương	Nội		Mức độ đánh giá											Tỉ lệ	
		B2. Kinh tế Liên bang Nga B3. Tìm hiểu về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga	các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế. Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu, tháp tuổi. – Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí.													
Tổng số câu/ý				12			4	4				4		1	1	20
Tổng số điểm				3,0			2.0			2.0			2,0	1,0		10
Tỉ lệ %				30%			20%			20%			30%			100%

SỞ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM GDN - GDTX QUẬN DƯƠNG KINH

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC: 2024 – 2025

MÔN: ĐỊA LÝ 11

Thời gian làm bài: 45 phút

PHẦN I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Công nghiệp Hoa Kỳ có sự dịch chuyển phân bố từ vùng Đông Bắc đến

- A. vùng phía Nam. B. vùng phía Bắc.
C. ven Đại Tây Dương. D. vùng Trung tâm.

Câu 2. Hình thức tổ chức chủ yếu trong nông nghiệp Hoa Kỳ là

- A. hợp tác xã. B. hộ gia đình.
C. trang trại. D. nông trường.

Câu 3. Vùng phía Tây Hoa Kỳ nổi bật với các ngành công nghiệp

- A. than, thép, máy móc, ô tô và hóa chất.
B. dầu mỏ, hàng không vũ trụ và điện tử.
C. khai khoáng, thủy điện, điện hạt nhân.
D. than, điện tử, ô tô, hàng không vũ trụ.

Câu 4. Ha-oai là nơi phát triển mạnh

- A. cây lương thực. B. nuôi gia súc lớn.
C. du lịch biển. D. khai thác mỏ.

Câu 5: Ngành nào sau đây tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu cho Hoa Kỳ?

- A. Nông nghiệp. B. Ngư nghiệp. C. Tiểu thủ công. D. Công nghiệp.

Câu 6: Dân cư Hoa Kỳ chủ yếu sống ở

- A. vùng nông thôn. B. vùng nội địa đất đai màu mỡ.
C. trung tâm các đô thị lớn. D. vùng phụ cận đô thị lớn và đô thị vệ tinh.

Câu 7. Liên bang Nga giáp với các đại dương nào sau đây?

- A. Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương. B. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương.
C. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương. D. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương

Câu 8. Đại bộ phận lãnh thổ Liên bang Nga nằm trong vành đai khí hậu nào sau đây?

- A. Ôn đới. B. Nhiệt đới. C. Cận cực. D. Cận nhiệt.

Câu 9. Dân tộc nào sau đây chiếm đến 80% dân số Liên bang Nga?

- A. Tác-ta. B. Chu-vát. C. Nga. D. Bát-xkia.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với những khó khăn về tự nhiên của Liên bang Nga đối với phát triển kinh tế - xã hội?

A. Địa hình núi và cao nguyên chiếm diện tích lớn.

B. Nhiều vùng rộng, có khí hậu băng giá hoặc khô hạn.

C. Phần lớn lãnh thổ nằm ở vành đai khí hậu ôn đới.

D. Tài nguyên chủ yếu ở vùng núi hoặc vùng lạnh giá.

Câu 11. Sự phân bố dân cư không đều theo lãnh thổ của Nga đã gây khó khăn cho việc

A. sử dụng hợp lý lao động và khai thác tài nguyên.

B. sử dụng hợp lý lao động và giải quyết việc làm.

C. bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phát triển đời sống.

D. phát triển đời sống và bảo vệ môi trường tự nhiên.

Câu 12: “Trên 70% dân số Liên Bang Nga sống ở thành phố, chủ yếu là các thành phố nhỏ, trung bình và các thành phố vệ tinh”. Điều này mang lại thuận lợi gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Liên Bang Nga?

A. Hạn chế được các mặt tiêu cực của đô thị hóa.

B. Thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế cần nhiều lao động.

C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

D. Nền văn hóa độc đáo, đa dạng.

PHẦN II: Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 và câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d, của mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Liên bang Nga có diện tích khoảng 17 triệu km², trải theo chiều bắc - nam từ khoảng vĩ độ 41°11'B đến vĩ độ 77°43'B và theo chiều đông - tây từ khoảng kinh độ 27°Đ đến kinh độ 169°40'T. Lãnh thổ bao gồm phần lớn đồng bằng Đông Âu, toàn bộ phần Bắc Á và tỉnh Ca-li-nin-grát nằm biệt lập; kéo dài từ biển Ban-tích ở phía tây đến Thái Bình Dương ở phía đông, từ Bắc Băng Dương ở phía bắc đến Biển Đen và biển Ca-xpi ở phía nam. Giáp nhiều quốc gia với đường biên giới xấp xỉ chiều dài xích đạo.

a, Vị trí địa lý của Liên bang Nga gây khó khăn cho quản lý vùng biên giới.

b, Lãnh thổ Liên bang Nga trải dài trên nhiều kinh, vĩ tuyến.

c, Lãnh thổ Liên bang Nga chỉ thuộc phạm vi châu Âu.

d, Liên bang Nga chỉ giáp với nhiều quốc gia nhưng tiếp giáp với ít biển, đại dương.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ giai đoạn 2000- 2020

Năm Tiêu chí	2000	2005	2010	2015	2019	2020
GDP (tỉ USD)	10250,9	13039,2	15049,0	18206,0	21372,6	20893,7
Tốc độ tăng trưởng GDP(%)	4,1	3,5	2,7	2,7	2,3	-3,4

- a, GDP có xu hướng tăng đều qua các năm.
- b, Tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng giảm.
- c, Giai đoạn 2015-2019 GDP của Hoa Kỳ tăng nhanh nhất.
- d, Giai đoạn 2019-2020 tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất và đạt giá trị âm.

PHẦN III: Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

GDP CỦA HOA KỲ VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Hoa Kỳ	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi
GDP	20 893,74	20 796,66	32 797,13	2 350,14

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu năm 2020, GDP của Hoa Kỳ gấp bao nhiêu lần GDP của châu Phi?
(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

SỐ DÂN CỦA LIÊN BANG NGA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2000	2010	2020
Số dân (triệu người)	146	143	146
Tỉ lệ dân thành thị (%)	73,4	73,7	74,8

(Nguồn: WB, 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, tính số dân nông thôn của Liên Bang Nga năm 2020 (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3: Cho bảng số liệu

GDP CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2005-2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2014	2018	2020
-----	------	------	------	------

GDP	13,039	17,550	20,527	20,893
-----	--------	--------	--------	--------

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2005? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 4: Cho bảng số liệu sau:

**TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ
CỦA LIÊN BANG NGA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2010	2015	2020
Trị giá				
Xuất khẩu	114,4	444,5	391,4	378,6
Nhập khẩu	62,5	322,4	281,6	305,0

Theo bảng số liệu, cho biết cán cân xuất nhập khẩu hàng hoá Liên bang Nga năm 2020 tăng bao nhiêu tỉ USD so với năm 2000? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất tỉ USD)

PHẦN IV: TỰ LUẬN

Câu 1.

Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2005 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	901,1	1 278,5	1 502,5	1 424,9
Nhập khẩu	1 732,7	1 969,2	2 315,3	2 406,9

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện trị giá xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2005 – 2020.

Câu 2. Qua bảng số liệu trên, hãy nhận xét về trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2005 – 2020.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II

PHẦN I.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	7	A
2	C	8	A
3	C	9	C
4	C	10	C
5	D	11	A
6	D	12	A

PHẦN II.

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,25** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,5** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,75** điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1** điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	Đ
	b	Đ
	c	S
	d	S
2	a	S
	b	Đ
	c	Đ
	d	Đ

PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm)

Câu	Đáp án
1	8,9
2	37
3	160
4	21,7

PHẦN IV.

- Câu 1. Học sinh vẽ biểu đồ cột ghép (2.0 đ)

Câu 2. Nhận xét

- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu Hoa Kỳ từ 2005 – 2020 tăng: (0.25đ)

+ Giá trị xuất khẩu tăng (Dẫn chứng) (0.25đ)

+ Giá trị nhập khẩu tăng (Dẫn chứng) (0.25đ)

+ Từ 2005 – 2020 nhập siêu(0.25đ)

----- **Hết** -----

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

NGƯỜI LẬP

Tô Thị Hằng